



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP NAM SÀI GÒN
- Địa chỉ: 1362 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 30, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT13.260521	0521/NT/U-COM-HTP/1: Đầu ra HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1184830; Y = 607657)

4. Ngày lấy mẫu: 21/05/2026

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT13.260521	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,48	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	11	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	18,6	100
4	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	< 3,0	20
5	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	137	1.000
6	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
7	P-PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	3,21	10
8	N-NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2,75	50
9	N-NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,61	10
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	< 0,20	10
11	Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



Ký Giám Đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP - Vimecert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm